

MỘT PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN MỚI VỀ GIA ĐÌNH: MỐI QUAN HỆ GIỮA SẢN XUẤT VÀ TÁI SINH SẢN

TRẦN PHI PHƯỢNG*

TÓM TẮT

Bài viết nhằm giới thiệu một quan điểm tiếp cận mới về gia đình học dựa trên quyển sách của Robertson mang tên “Bên ngoài gia đình: Tổ chức xã hội của sự tái sinh sản” xuất bản năm 1991. Là một nhà xã hội học theo lý thuyết cấu trúc chức năng, ông xem gia đình như một “tổ chức xã hội của sự tái sinh sản của con người”, do đó, không thể nghiên cứu hộ gia đình như một đơn vị riêng lẻ mà cần thiết phải đặt trong mối tương quan chặt chẽ với môi trường kinh tế chính trị.

Phương pháp tiếp cận này cung cấp cho ta một công cụ hữu hiệu để xem xét mối tương tác giữa hiện tượng vi mô và vĩ mô, giữa hộ gia đình và nền kinh tế.

Từ khóa: tái sinh sản, hộ gia đình, thuyết cấu trúc chức năng.

ABSTRACT

A new approach to family studies: the relationship between production and reproduction

This article aims at introducing the new approach to family studies in Robertson's book named "Beyond the Family: The Social Organization of Human Reproduction" (1991). As a socialist of structural functionalist, Robertson considered a household as a "social organization of human reproduction" which cannot be viewed simply as a static and separate unit but is rather connected closely to the economic and political environment. This perspective provides us with a useful tool to examine the interaction between micro and macro phenomena, namely, the interrelation between household and economy.

Keywords: reproduction, household, structural functionalism.

Tháng 11 năm 2000, Singapore đã tổ chức hội nghị quốc tế rất quy mô về vấn đề “Gia đình trong thời đại toàn cầu”, trong đó nêu lên những thách thức mới đối với sự tồn tại và phát triển của gia đình ở Đông Nam Á và Nhật Bản trong thời kỳ hiện nay, thời kỳ toàn cầu hóa.

Trong hội nghị, giáo sư Stivens Trường Đại học Melbourne - Úc cho rằng những khái niệm về “gia đình Châu Á” và “giá trị châu Á” trong thời kỳ hiện nay nên được nhìn nhận như là sản phẩm của toàn cầu hóa hơn là một cách diễn đạt chú trọng đến đặc thù văn hóa bản địa của sự phục hồi tân Khổng giáo hay Hồi giáo.

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Tuy nhiên, phần trọng tâm nhất của hội nghị là vấn đề cụ thể mà gia đình phải đối phó, chẳng hạn như, chính sách đối với người già, kế hoạch hóa gia đình, quyền lợi trẻ em... Vấn đề cân bằng giữa vai trò gia đình và việc làm của phụ nữ cũng được đặt ra một cách bức thiết trong thực tế xã hội ngày nay, khi mà hầu hết phụ nữ đều tham gia vào việc làm để tăng thu nhập cho gia đình. Họ vẫn phải chịu áp lực của xu hướng xã hội coi việc nhà là “thiên chức”, là trách nhiệm chính của phụ nữ. Hầu hết các báo cáo đều gắn liền với những vấn đề về quốc sách liên quan đến gia đình. Điều thú vị là tùy trình độ phát triển kinh tế khác nhau nên nảy sinh những vấn đề gia đình khác nhau mà các nhà làm chính sách phải quan tâm. Chẳng hạn, Nhật Bản và Singapore là những nước phát triển kinh tế cao nhất trong khu vực, thì lo lắng về vấn đề chăm sóc người già, xu hướng sống độc thân và tỉ lệ sinh sản giảm. Cựu thủ tướng Singapore - ông Goh Chok Tong cũng đã từng kêu gọi người dân nên lập gia đình và sinh con, nếu không trong tương lai gần, nền kinh tế Singapore có nguy cơ khủng hoảng nguồn nhân lực. Cụ thể hơn, ông đưa ra “Chương trình trợ cấp trẻ sơ sinh” (Baby Bonus Scheme) để khuyến khích phát triển dân số Singapore. Ngược lại, ở những nước đang phát triển thì gặp vấn nạn dân số gia tăng nhanh, nhà nước phải đưa ra những chính sách kế hoạch hóa gia đình khuyến khích chậm kết hôn, chậm sinh con, hạn chế số con trong gia đình.

Từ hội nghị trên, suy nghĩ về những vấn đề hiện nay ở xã hội ta, những trẻ em vướng vào các tệ nạn xã hội hay trẻ em đường phố thường là hệ quả của việc li hôn với tỉ lệ cao. Nhà nước đã kêu gọi củng cố lại giềng mối gia đình như là nền tảng đạo đức của xã hội. Các đoàn thể, các phương tiện thông tin đại chúng cũng góp phần tham gia vào việc phát triển vai trò giáo dục của gia đình, như tổ chức những cuộc thi “Gia đình điểm mười” hay xây dựng mô hình “Gia đình văn hóa mới” ở địa phương... Những tác động bằng nhiều hình thức của việc tuyên truyền giáo dục, thiển nghĩ, là quan trọng. Tuy nhiên, về mặt hiệu quả lâu dài, ta cần có hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học về gia đình, phát triển bộ môn Gia đình học (Family studies) như các nước tiên tiến đã làm; để từ đó, việc nghiên cứu gia đình như là một bộ môn Xã hội học và Nhân chủng học, sẽ góp phần quan trọng vào việc định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

Trong tác phẩm “Bên ngoài gia đình: Tổ chức xã hội của sự tái sinh sản của con người”, Robertson (1991) đã nghiên cứu tầm quan trọng của sự tái sinh sản không chỉ trong việc hình thành gia đình mà trong cả những thể chế của xã hội hiện đại. Để thực hiện điều này, ông thử đặt quá trình kinh tế - chính trị và tái sinh sản lại với nhau và xem xét mối tương tác qua lại giữa chúng.

Theo ông, quá trình tái sinh sản (reproduction) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hình thành lịch sử xã

hội. Nhưng trước đây, theo quan niệm thông thường, vẫn được cho là vấn đề có tính cách riêng tư và cá nhân hơn là có ý nghĩa xã hội kinh tế. Nói cách khác, quan hệ tái sinh sản chỉ được hiểu ở mức độ vi mô hơn là vĩ mô. Quan điểm này mới so với những quan điểm trước đây của các học giả khác, thường cho rằng quá trình sinh sản của con người trong xã hội không có liên quan gì đối với những thay đổi trong quan hệ sản xuất.

Theo Robertson, sự tái sinh sản không chỉ đơn thuần là vấn đề gia đình (family affairs) mà còn tác động đến việc hình thành những khía cạnh khác của xã hội hiện đại, chẳng hạn như vấn đề tiền lương, vấn đề trợ cấp, thế chấp... là những vấn đề mà trước đây được xem như chỉ quy định bằng những lợi ích vật chất.

Từ quan điểm đó, ông lập luận rằng sự phát triển của giáo dục đại chúng, tiền trợ cấp nghỉ hưu, những cách tính tiền lương công nhật, y tế công cộng... nên xem như là sự thích ứng với những quan hệ sản xuất khi quan tâm đến những nhu cầu thường xuyên và mạnh mẽ của tái sinh sản. Nói cách khác, thay vì xem xét các mối quan hệ sản xuất trong bối cảnh lợi ích kinh tế, ông cho rằng nhu cầu tái sinh sản của con người đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích những khía cạnh của xã hội loài người và rất năng động trong việc đáp ứng với những thay đổi trong các mối quan hệ sản xuất.

Ở đây, cần phân biệt reproduction trong tiếng Việt bao hàm hai ý nghĩa: tái

sản xuất và tái sinh sản. Trong khi “tái sản xuất” được sử dụng để chỉ những quá trình như tái sản xuất lao động hay tái sản xuất xã hội (ví dụ như cấu trúc lại xã hội), thì tái sinh sản được dùng với ý nghĩa sinh học là quá trình tạo ra con người.

Rõ ràng là sự phân công giới về lao động và trách nhiệm không dựa vào khác biệt về giới tính theo nghĩa sinh học, mà dựa vào những phương pháp xã hội của sự tái sinh sản ra con người trưởng thành như những cá nhân đã được xã hội hóa. Vậy thì cả hai khái niệm tái sản xuất và tái sinh sản về phương diện kinh tế và xã hội nên được xem như những yếu tố năng động và biến đổi hơn là thụ động và cố định, nhất là khi cả hai có sự liên quan với nhau.

Xã hội quy định vai trò chính của người phụ nữ là trong việc sinh sản và tổ chức gia đình, vai trò này có liên quan chặt chẽ đến vai trò của họ trong sản xuất và các mối quan hệ sản xuất. Do đó có thể suy ra rằng vai trò mà phụ nữ đảm trách trong quá trình tái sinh sản quyết định sự phân công giới về lao động trong sản xuất. Theo Robertson, tái sinh sản không chỉ bao gồm sự tái tạo giống loài, như sinh con đẻ cái đơn thuần có tính cách truyền giống và bản năng mà còn bao hàm cả quá trình sinh ra, nuôi nấng, dạy dỗ, dựng vợ gả chồng và già yếu rồi chết. Toàn bộ quá trình đó gọi là quan hệ tái sinh sản (relation of reproduction) được Robertson nhấn mạnh như sau: “một nguồn gốc triệt để của sự phiền

nhieu (thoroughgoing source of disturbance) trong đời sống con người, thoát đầu chúng ta sinh ra là những đứa trẻ không có khả năng tự vệ (defenceless infants), sau đó được nuôi dưỡng trở thành con người trưởng thành và sáng tạo và sau cùng già yếu rồi chết. Tự nhiên (nature) đã thu hút loài người chúng ta vào sự thỏa mãn giới tính, nhưng sau đó trao lại gánh nặng của tái sinh sản cho những năng lực tổ chức và sáng tạo của chúng ta. Để tồn tại phát triển con người phải may mắn và tuân thủ (obedient), phải có khả năng sinh sản (physically able to produce) và hơn hết là phải có khả năng huy động tiềm lực vật chất để nuôi nấng những đứa trẻ và bảo đảm phúc lợi của toàn thể hộ gia đình (household as a whole)” [tr.26] và “sự tiến triển từ sinh đến tử đưa chúng ta từ chỗ hoàn toàn không có khả năng (complete incapacity) đến năng lực của người trưởng thành và sau đó lại trở về tình trạng hoàn toàn không khả năng như khởi đầu” [tr.26].

Từ cách tiếp cận trên, ông đi đến khái niệm “sức ép tái sinh sản” (reproductive pressures) và những khái niệm “sức ép nội tại định kì” (periodic internal pressures: tr.27) và “sức ép sinh sản tuần hoàn” (cyclical reproductive pressures: tr.33). Nói một cách đơn giản, “sức ép tái sinh sản” là những khó khăn thách thức mà cá nhân và hộ gia đình phải đương đầu trong từng giai đoạn khác nhau để tồn tại. Chẳng hạn, sinh con đẻ cái, dựng vợ gã chồng, vấn đề chăm sóc con trẻ và cha mẹ già...vv.. Mô hình gia

đình mở rộng (extended family) cũng có thể được xem như hình thức đối phó với sức ép tái sinh sản.

Lí thuyết xem gia đình như là một tổ chức xã hội của sự tái sinh sản đã mở rộng khái niệm tái sinh sản vào một quá trình (process) và do đó ở trạng thái động (dynamic) hơn là yếu tố tĩnh (static) của ý nghĩa sinh học, đồng thời gắn liền quá trình này trong sự tương tác qua lại với thể chế xã hội kinh tế

Lấy thí dụ một khía cạnh của tái sinh sản là việc gia tăng dân số chẳng hạn. Những ảnh hưởng của công nghiệp hóa, phát triển đô thị, và y tế thoát đầu có ảnh hưởng đến sự bùng nổ về gia tăng dân số. Nhưng sau đó, những sự phát triển này lại dẫn đến sự suy giảm đáng kể của mức gia tăng dân số. Điều đó được giải thích như là sự “chuyển tiếp về dân số” (demographic transition) từ một xã hội nông thôn trong đó con người có tỉ lệ sinh sản cao bù vào tuổi thọ ngắn và tỉ lệ trẻ tử vong cao; trải qua một giai đoạn công nghiệp hóa, khi mức sống cao cho phép dân số gia tăng đến một giai đoạn mới thì con người đánh giá giá trị kinh tế của việc giảm tỉ lệ sinh sản.

Quan điểm tiếp cận vấn đề như trên cung cấp cho chúng ta công cụ hữu dụng để xem xét mối liên quan giữa hộ gia đình và kinh tế, giữa sản xuất và tái sinh sản, giữa thiết chế xã hội kinh tế và tổ chức quan hệ tái sinh sản trong gia đình. Có thể thấy rõ mối tương quan này qua những vấn nạn mà các quốc gia ở những

trình độ phát triển khác nhau phải đối phó như đã trình bày ở trên.

Tóm lại, theo Robertson, gia đình là một yếu tố năng động trong sự chuyển biến xã hội với ý nghĩa là mỗi thành viên của gia đình tiến hành những hoạt động xây dựng thể chế trong quá trình tái sinh sản. Bằng cách mở rộng khái niệm tái sinh sản, ông đã đưa ra một phương pháp tiếp cận mới xem quan hệ tái sinh sản trong phạm vi gia đình có liên hệ mật

thiết với quan hệ sản xuất thuộc phạm vi xã hội, và hơn thế nữa, ông cũng đã chứng minh quá trình tái sinh sản tác động tích cực đến những chuyển biến trong xã hội như thế nào, và ngược lại. Cách tiếp cận này là một phương pháp tương đối mới mẻ nhưng thiết thực cho các nhà làm chính sách, các nhà nghiên cứu xã hội học và kinh tế học ở nước ta trong giai đoạn chuyển đổi kinh tế hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A.F. Robertson (1991), *Beyond the family: the social organization of human reproduction*. Polity Press.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 09-5-2011; ngày chấp nhận đăng: 14-9-2011)